

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	7,900 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	49.1%	38.6%	19.7%

DT thuần	2024		
	38.1	YoY	▲ 1.80
	tỷ VNĐ		▲ 4.9%

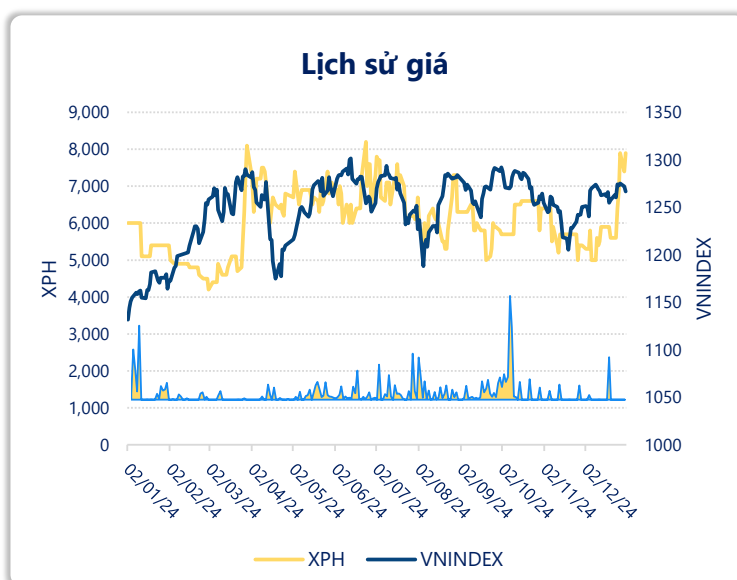
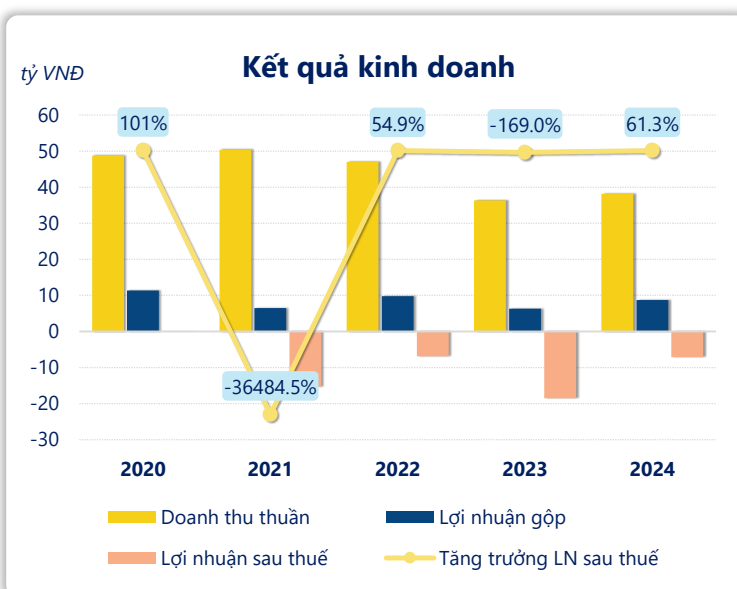
LN gộp	2024		
	8.71	YoY	▲ 2.40
	tỷ VNĐ		▲ 38.0%

LN thuần	2024		
	-7.17	YoY	▲ 10.7
	tỷ VNĐ		▲ 59.9%

LN sau thuế	2024		
	-7.17	YoY	▲ 11.3
	tỷ VNĐ		▲ 61.3%

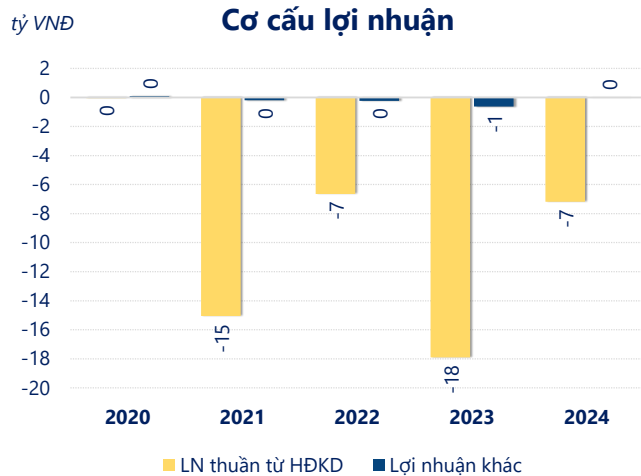
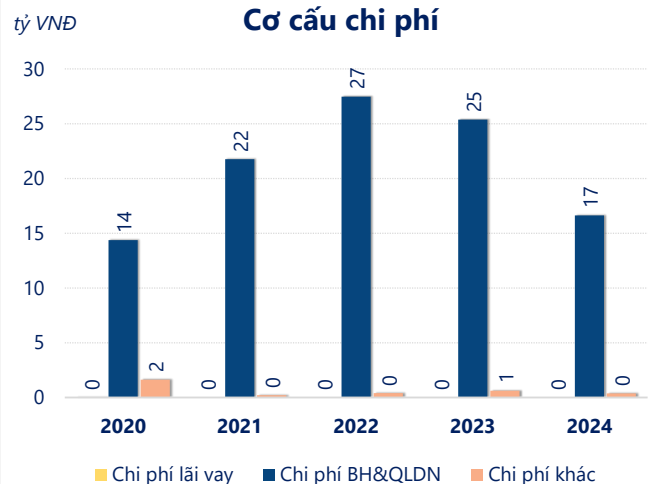
ROE	2024		
	-4.8%	+/- YoY	▲ 6.7%

ROA	2024		
	-4.7%	+/- YoY	▲ 6.5%



Kết quả kinh doanh **XPH** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **38.13** tỷ đồng **tăng 4.91%**, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 61.3%** đạt **-7.17** tỷ đồng.

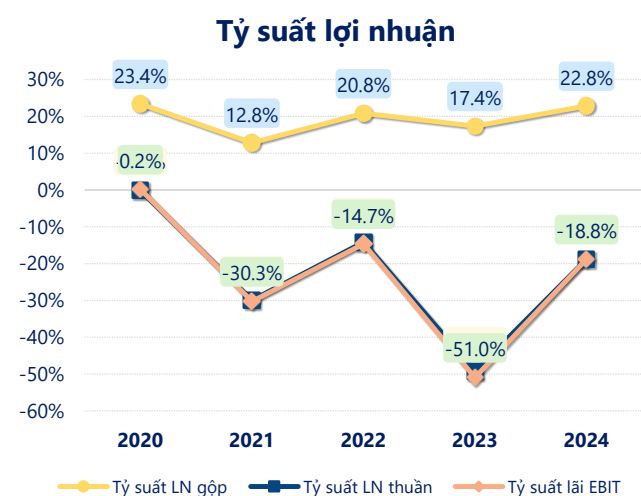
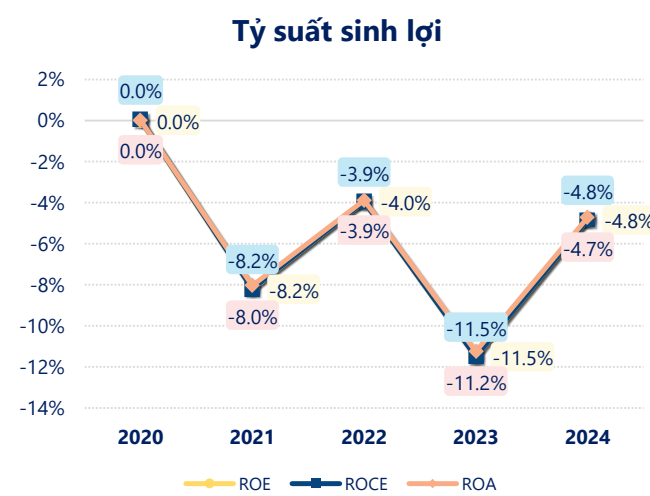
Doanh thu có sự tăng trưởng nhưng không đủ bù đắp các chi phí khiến lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng **-4.84%** là dấu hiệu của tình hình kinh doanh đang xấu đi.



Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của XPH năm **2024 tăng lên 10.72** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 7.17 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2023** là 17.90 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm xuống** còn **16.62** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.37** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

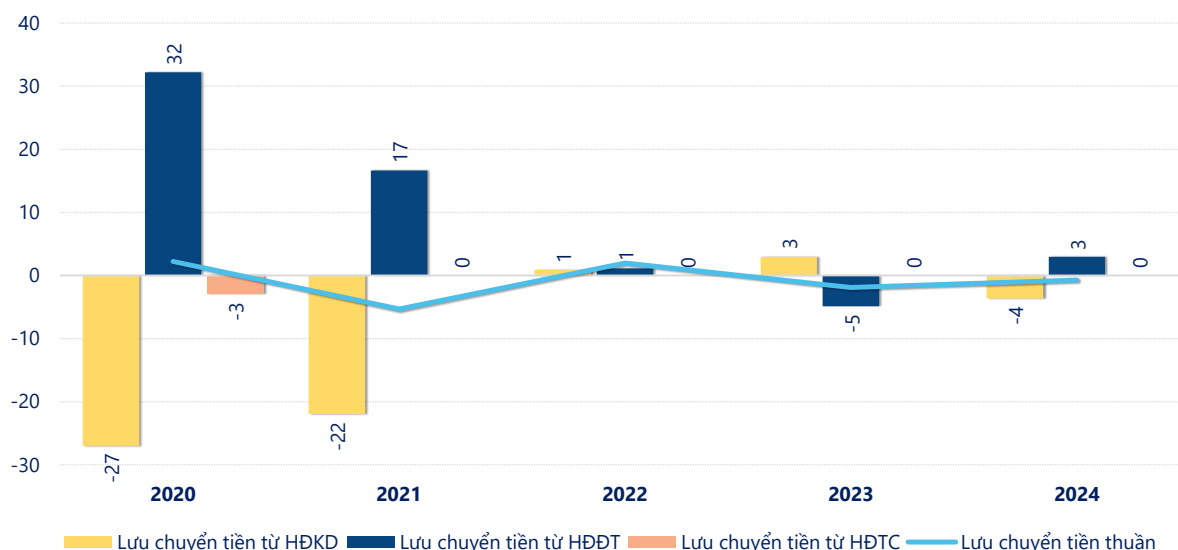
ROE của XPH năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **-4.84%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	48.7	50.4	47.0	36.3	38.1
Giá vốn hàng bán	37.3	43.9	37.2	30.0	29.4
Lợi nhuận gộp	11.4	6.45	9.79	6.31	8.71
Doanh thu HĐTC	2.97	0.23	11.0	1.16	0.74
Chi phí TC	0.04	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0.04	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.51	6.91	7.43	6.11	4.57
Chi phí QLDN	9.85	14.8	20.0	19.2	12.1
LN thuần từ HĐKD	-0.05	-15.1	-6.65	-17.9	-7.17
Lợi nhuận khác	0.09	-0.20	-0.24	-0.62	0.01
LN trước thuế	0.04	-15.3	-6.89	-18.5	-7.17
Lợi nhuận sau thuế	0.04	-15.3	-6.89	-18.5	-7.17
LNST của CĐ cty mẹ	0.04	-15.3	-6.89	-18.5	-7.17

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của XPH bằng **-0.73** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-1.91 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-3.67** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **2.94** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **0.00** tỷ đồng.